BẢN TIN CHỨNG KHOÁN NGÀY 04/10/2022

03/10/2022	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá đóng cửa	1,086.44	-4.03%	1,102.00	-4.34%	238.17	-4.83%
Tổng KLGD (tr. cp)	**554.15**	**-24.05%**	**189.23**	**14.61%**	**62.27**	**-17.16%**
KLGD khớp lệnh (tr. cp)	**501.91**	**-18.08%**	**159.96**	**3.30%**	**60.17**	**-18.83%**
TB 20 phiên (tr. cp)	509.77	-1.54%	122.73	30.33%	64.54	-6.77%
Tổng GTGD (tỷ VND)	**11,525.26**	**-32.74%**	**5,025.35**	**-0.95%**	**1,142.60**	**-15.35%**
GTGD khớp lệnh (tỷ VND)	**10,065.90**	**-22.83%**	**4,131.60**	**-7.62%**	**1,066.81**	**-19.49%**
TB 20 phiên (tỷ VND)	11,777.57	-14.53%	3,755.95	10.00%	1,287.15	-17.12%
		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %
Số mã tăng	43	8%	1	3%	44	18%
Số mã giảm	449	85%	29	97%	169	70%
Số mã đứng giá	34	6%	0	0%	29	12%

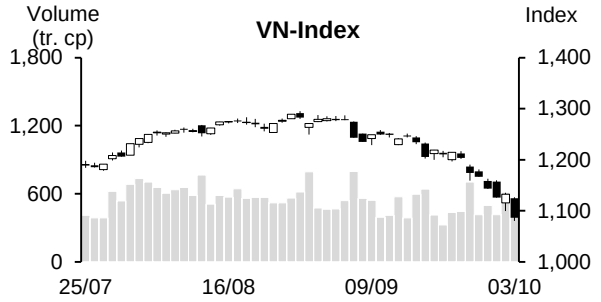

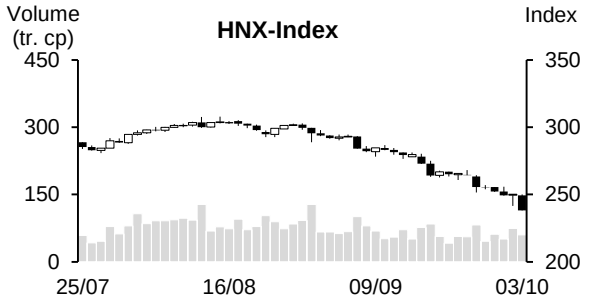

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Bóng đen bao phủ thị trường chứng khoán Việt Nam trong phiên ngày thứ hai đầu tuần. Phiên phục hồi kỹ thuật của thị trường chứng khoán Việt Nam nhanh chóng bị lãng quên bởi đà giảm tiêu cực từ phố Wall ngay trong đêm ngày thứ sáu. Áp lực bán hiện diện ngay từ đầu phiên và đà giảm sau đó tiếp tục bị nới rộng. Tâm lý nhà đầu tư tỏ ra thận trọng và lực cầu bắt đáy yếu ớt đã khiến các chỉ số chính lao dốc không phanh đồng thời thanh khoản ảm đạm. Thậm chí, VN-Index dễ dàng đánh mất mốc tâm lý 1,100 điểm trong bối cảnh không ít các cổ phiếu bao gồm cả những Bluechips trong rổ VN30 rơi vào tình trạng xanh sàn trong những phút cuối phiên.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm trở lại. Khối lượng giao dịch sụt giảm xuống dưới mức bình quân 20 phiên, hàm ý dòng tiền tham gia thị trường vẫn khá thận trọng. Không những vậy, chỉ số duy trì đóng cửa dưới MA5, cùng với chùm MA5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ âm, cho thấy xu hướng giảm đang tiếp diễn. Thêm vào đó, chỉ số xuyên thủng hỗ trợ tâm lý 1,100 điểm, cùng với các đường MACD và RSI hướng xuống tiêu cực, cho thấy chỉ số có thể tiếp tục chịu sức ép về vùng hỗ trợ tâm lý 1,000 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số cũng có phiên giảm điểm trở lại và xuyên thủng hỗ trợ tâm lý 250 điểm, cùng với chùm MA5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ âm tiêu cực, cho thấy xu hướng giảm đang tiếp diễn, và chỉ số có thể chịu áp lực về vùng hỗ trợ tâm lý 200 điểm. Nhìn chung, thị trường đang nằm trong xu hướng giảm. Do đó, nhà đầu tư nên giữ tỷ trọng ở mức an toàn nhằm hạn chế rủi ro bất ngờ từ thị trường.

Cổ phiếu khuyến nghị: PDR (Mua)

Cổ phiếu quan sát: TNG, TCB

(Xem chi tiết ở trang 2)

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	PDR	Mua	04/10/22	51	51	0.0%	58.4	14.5%	48.8	-4.3%	Cổ phiếu có cơ hội phục hồi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	TNG	Quan sát mua	04/10/22	17.5	21-22	Tín hiệu rơi vào trạng thái quá bán sâu + giá đang về vùng hỗ trợ 15.5-16.5 -> khả năng có thể sớm có nhịp hồi t+, có thể canh mua nếu tiếp tục giảm mạnh về hỗ trợ
2	TCB	Quan sát mua	04/10/22	30.25	33-34	Tín hiệu rơi vào trạng thái quá bán sâu + giá đang trong vùng hỗ trợ 30-32 -> khả năng có thể sớm có nhịp hồi t+, có thể canh mua quanh giá hiện tại

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VGI	Mua	30/09/22	30.21	28.9	4.6%	34.1	18%	27	-6.6%	
2	SSI	Mua	03/10/22	18.45	19.8	-6.82%	22.6	14.1%	18.3	-7.6%	

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

TIN TỨC TRONG NGÀY

Tin trong nước

Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp 9 tháng tăng 9,7%

Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (IIP) tháng 9 tăng 2,3% so với tháng trước và tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước. 9 tháng, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,7% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2021 tăng 2,8%).

Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,69%, đóng góp 2,74 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 7,71%, đóng góp 0,31 điểm phần trăm; ngành khai khoáng tăng 4,42%, đóng góp 0,15 điểm phần trăm trong mức tăng chung.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực 9 tháng tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: Bia tăng 35,8%; thủy hải sản chế biến tăng 20,4%... Ngược lại, một số sản phẩm giảm so với cùng kỳ năm trước như: Sắt, thép thô giảm 13,7%; điện thoại di động giảm 5,8%…

SSI Research: Dự báo VNDiamond thêm NLG loại TCM

Bộ chỉ số HoSE-Index, VNX-Index cùng các chỉ số đầu tư bao gồm VNDiamond, VNFIN Lead và VNFIN Select sẽ thực hiện tái cơ cấu danh mục cho kỳ quý IV.

Trong đó, chỉ số VNDiamond sẽ thực hiện rà soát thay đổi về danh mục thành phần, trong khi các chỉ số còn lại bao gồm VN30 và VNFINLead chỉ cập nhật số liệu và tính toán lại tỷ trọng danh mục.

Trung tâm phân tích Chứng khoán SSI (SSI Research) dự báo Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (HoSE:TCM) có thể bị loại khỏi chỉ số VNDiamond do không thỏa mãn mức giá trị vốn hóa tự do tối thiểu là 2.000 tỷ đồng trong khi Đầu tư Nam Long (HoSE:NLG) có thể được thêm vào để duy trì tối thiểu 8 cổ phiếu ngoài ngành ngân hàng là nhóm ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất.

Chuyên gia VASEP: Hết tháng 11, xuất khẩu thủy sản có thể chạm mốc 10 tỷ USD

Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Việt Nam (VASEP), trong tháng 9, xuất khẩu thuỷ sản ước đạt trên 850 triệu USD, cao hơn 36% so với cùng kỳ năm trước, nhưng đây là lần đầu sau 7 tháng, xuất khẩu thuỷ sản rơi xuống mức dưới 900 triệu USD. Đến hết quý III, xuất khẩu thuỷ sản của Việt Nam chạm mốc 8,5 tỷ USD, tăng 38%.

Xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc mang về doanh số cao nhất trong tháng 9 với 153 triệu USD, tăng 97% so với cùng kỳ năm 2021. Kim ngạch sang Mỹ giảm 11% xuống 140 triệu USD. Trong tháng 9, xuất khẩu các sản phẩm thuỷ sản chính đều tăng so với cùng kỳ năm 2021. Cá tra tăng trưởng cao nhất, với 97% đạt 161 triệu USD.

Theo VASEP, lũy kế 9 tháng, xuất khẩu tôm đã mang về gần 3,4 tỷ USD, tăng 23% so với cùng kỳ năm 2021; cá tra cũng thu về gần 2 tỷ USD, tăng 82% các sản phẩm hải sản đạt gần 3,2 tỷ USD, tăng 33%.Trung Quốc là thị trường có tăng trưởng cao nhất 76% ở mức 1,35 tỷ USD trong ba quý đầu năm.

Với kết quả sau 9 tháng, theo bà Lê Hằng, hết tháng 11, thuỷ sản Việt Nam có thể chạm mốc 10 tỷ USD như kỳ vọng của toàn ngành cũng như mục tiêu của Bộ Nông nghiệp đặt ra.

Nguồn: NDH, Cafef

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Tin doanh nghiệp niêm yết

OCB triển khai phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu

30/9/2022, Hội đồng Quản trị OCB đã thông qua triển khai tăng vốn điều lệ bằng hình thức phát hành cổ phiếu thưởng 30% cho cổ đông hiện hữu. Theo đó, vốn điều lệ của OCB tăng thêm hơn 4.109 tỷ đồng, từ hơn 13.698 tỷ đồng lên hơn 17.808 tỷ đồng.

Theo báo cáo kết quả kinh doanh nửa đầu năm, OCB ghi nhận kết quả khả quan với nhiều mảng kinh doanh cốt lõi, đặc biệt trong lĩnh vực số hóa.

Tập đoàn Cao su Việt Nam chốt quyền trả 1.640 tỷ đồng cổ tức

Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam (HoSE: GVR) công bố Nghị quyết HĐQT thống nhất trả cổ tức tiền mặt năm 2021 tỷ lệ 4,1%. Ngày đăng ký cuối cùng trả cổ tức là 13/10 và ngày thực hiện 27/10. Với 4 tỷ cổ phiếu đang lưu hành, doanh nghiệp dự chi 1.640 tỷ đồng để thanh toán cổ tức 2021.

Cổ tức năm 2021 là mức thấp nhất trong 3 năm qua, thấp hơn năm 2020 và 2019 (tỷ lệ 6%) và cao hơn 2018 (tỷ lệ 2,5%). Năm nay, doanh nghiệp lên kế hoạch trả cổ tức 5% vốn điều lệ.

Về hoạt động kinh doanh, nửa đầu năm, tập đoàn báo cáo doanh thu 10.455 tỷ đồng, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước; lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ 2.072 tỷ đồng, tăng 27% đạt 2.072 tỷ đồng.

Mới đây, GVR công bố ước tính kết quả kinh doanh 9 tháng với doanh thu 18.397 tỷ đồng và lợi nhuận 4.408 tỷ đồng, lần lượt tăng 2% và 4% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh số Sao Ta 9 tháng tăng 18%

Thực phẩm Sao Ta (HoSE: FMC) – đơn vị thành viên của Tập đoàn PAN (HoSE: PAN) thông tin kết quả hoạt động kinh doanh 9 tháng. Theo đó, tôm thành phẩm chế biến 9 tháng đạt 16.068 tấn, bằng 98,5% so cùng kỳ năm 2021; tôm thành phẩm tiêu thụ 14.543 tấn, tăng 8%. Nông sản thành phẩm ghi nhận 1.642 tấn, gần gấp đôi và nông sản tiêu thụ 1.450 tấn, tăng 18% so cùng kỳ năm trước.

Doanh số tiêu thụ chung đạt 182 triệu USD (~ 4.310 tỷ đồng), tăng 17,5% so cùng kỳ 2021 và thực hiện 79% kế hoạch năm.

Ban lãnh đạo cho biết tiêu thụ chậm lại trong các tháng cuối năm, song vẫn đảm bảo hoàn thành kế hoạch.

Nguồn: NDH

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Thống kê giao dịch khớp lệnh

TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VIC	55,500	0.91%	0.04%
PGV	23,800	3.48%	0.02%
PDN	117,700	7.00%	0.00%
STG	28,300	5.20%	0.00%
VCF	238,100	2.15%	0.00%

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
MVB	17,900	6.55%	0.04%
HJS	34,100	10.00%	0.02%
VDL	24,700	9.78%	0.01%
VNF	14,500	7.41%	0.01%
DNC	53,300	9.90%	0.01%

TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VCB	70,600	-3.55%	-0.27%
BID	31,550	-6.93%	-0.26%
HPG	19,750	-6.84%	-0.19%
TCB	30,250	-6.92%	-0.18%
CTG	21,600	-6.90%	-0.17%

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
IDC	45,000	-9.46%	-0.51%
PVI	41,000	-8.89%	-0.31%
PVS	21,400	-7.76%	-0.29%
SHS	9,500	-9.52%	-0.27%
THD	43,000	-4.44%	-0.23%

TOP 5 KHỐI LƯỢNG KHỚP LỆNH

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
HPG	19,750	-6.84%	33,589,693
HAG	12,350	-6.79%	33,136,800
VPB	17,000	-5.56%	24,724,055
VND	16,300	-6.86%	15,969,933
SSI	18,450	-6.82%	15,848,709

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
SHS	9,500	-9.52%	10,663,215
PVS	21,400	-7.76%	6,072,341
IDC	45,000	-9.46%	5,754,615
CEO	19,600	-9.68%	3,784,004
HUT	21,500	-2.27%	2,793,627

TOP 5 GIÁ TRỊ KHỚP LỆNH

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
HPG	19,750	-6.84%	679.6
VPB	17,000	-5.56%	427.1
HAG	12,350	-6.79%	420.3
SSI	18,450	-6.82%	299.1
STB	19,200	-6.80%	294.9

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
IDC	45,000	-9.46%	268.7
PVS	21,400	-7.76%	135.3
SHS	9,500	-9.52%	105.9
CEO	19,600	-9.68%	77.1
HUT	21,500	-2.27%	59.9

Thống kê giao dịch thỏa thuận

TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN

HOSE

Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
STB	13,790,000	283.71
EIB	7,460,000	259.27
TCB	4,959,840	167.30
FPT	1,021,700	87.85
MBB	3,413,100	72.93

HNX

Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
HHC	439,300	38.79
DNP	700,000	17.50
VIT	671,900	11.76
GKM	186,100	6.71
C69	102,700	1.03

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Thống kê giao dịch khối ngoại

Sàn GD	KL nước ngoài mua (tr. cp)	GT nước ngoài mua (tỷ VND)	KL nước ngoài bán (tr. cp)	GT nước ngoài bán (tỷ VND)	KL mua/bán ròng (tr. cp)	GT mua/bán ròng (tỷ VND)
HOSE	30.68	942.26	53.37	1,475.37	(22.69)	(533.10)
HNX	0.76	15.63	0.14	2.68	0.62	12.96
Tổng 2 sàn	**31.44**	**957.89**	**53.51**	**1,478.05**	**(22.07)**	**(520.14)**

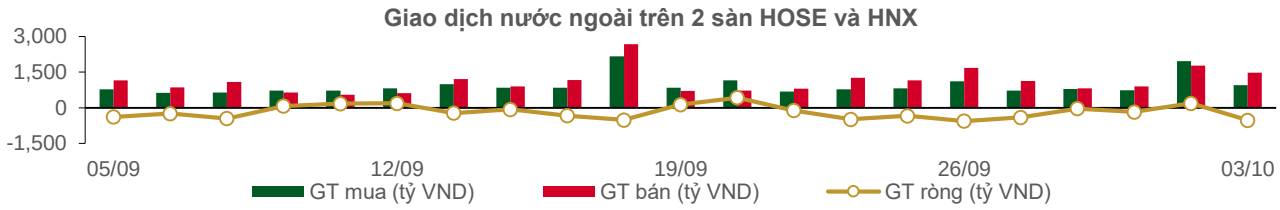

TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
TCB	30,250	3,454,840	120.06
FPT	77,000	1,022,900	87.95
MBB	18,700	3,381,300	72.22
VIC	55,500	1,231,300	67.04
VNM	71,000	906,900	65.37

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
PVS	21,400	498,100	11.29
IDC	45,000	20,200	0.97
HUT	21,500	40,200	0.87
SHS	9,500	54,900	0.55
GMX	16,500	31,500	0.53

TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
HPG	19,750	10,070,500	204.38
TCB	30,250	3,454,840	120.06
FPT	77,000	1,023,600	88.00
DGC	73,800	1,022,800	78.92
VNM	71,000	1,065,500	76.73

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
TNG	17,500	40,000	0.74
PVS	21,400	24,050	0.54
GMX	16,500	25,600	0.43
VCS	62,500	5,500	0.36
CEO	19,600	10,500	0.22

TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
VIC	55,500	506,900	27.68
FUEVFVND	23,800	699,800	16.74
MSN	94,000	48,000	5.46
E1VFVN30	18,800	272,900	5.16
HDG	37,900	133,000	5.15

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
PVS	21,400	474,050	10.75
IDC	45,000	20,200	0.97
HUT	21,500	40,200	0.87
SHS	9,500	49,025	0.49
HCC	10,900	25,000	0.27

TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
HPG	19,750	(8,812,300)	(178.98)
STB	19,200	(3,064,000)	(60.67)
DGC	73,800	(597,900)	(46.28)
CTG	21,600	(1,938,700)	(43.36)
SSI	18,450	(1,656,000)	(31.45)

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
TNG	17,500	(33,900)	(0.63)
VCS	62,500	(4,500)	(0.29)
CEO	19,600	(10,500)	(0.22)
BAX	80,000	(800)	(0.06)
NFC	16,500	(1,500)	(0.02)

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Thống kê giao dịch các chứng chỉ quỹ ETF nội

THỐNG KÊ GIÁ

Mã CK	Đóng cửa VND	Thay đổi (%)	KLGD (cp)	GTGD (tỷ VND)
E1VFVN30	18,800	-5.6%	2,128,244	40.80
FUEMAV30	12,900	-6.1%	39,119	0.51
FUESSV30	13,600	-6.1%	54,850	0.77
FUESSV50	18,700	-1.6%	5,929	0.11
FUESSVFL	14,500	-6.6%	117,600	1.74
FUEVFVND	23,800	-6.7%	2,678,900	64.47
FUEVN100	14,100	-6.0%	126,220	1.83
FUEIP100	7,960	-4.9%	58,100	0.47
FUEKIV30	7,190	-3.4%	62,600	0.46
FUEDCMID	9,500	-5.0%	59,700	0.56
Tổng cộng			**5,331,262**	**111.72**

MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI

Mã CK	GT mua (tỷ VND)	GT bán (tỷ VND)	GT ròng (tỷ VND)
E1VFVN30	33.29	28.13	5.16
FUEMAV30	0.33	0.30	0.03
FUESSV30	0.10	0.62	(0.52)
FUESSV50	0.02	0.00	0.02
FUESSVFL	0.91	1.44	(0.54)
FUEVFVND	55.58	38.84	16.74
FUEVN100	0.47	1.57	(1.10)
FUEIP100	0.00	0.00	0.00
FUEKIV30	0.19	0.28	(0.09)
FUEDCMID	0.03	0.37	(0.34)
Tổng cộng	**90.92**	**71.55**	**19.37**

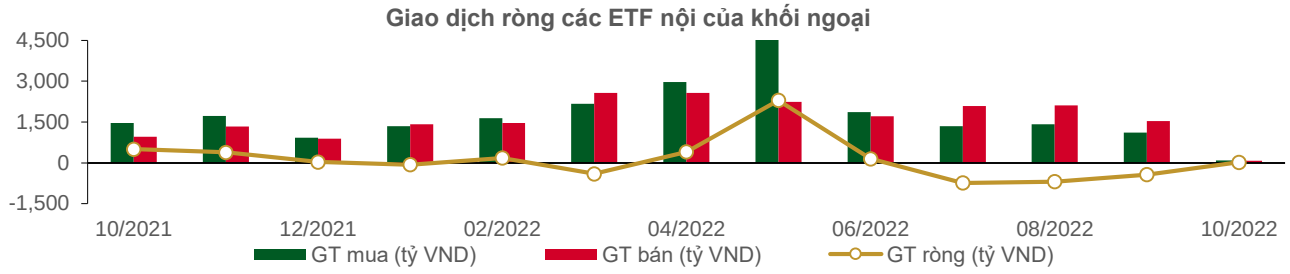

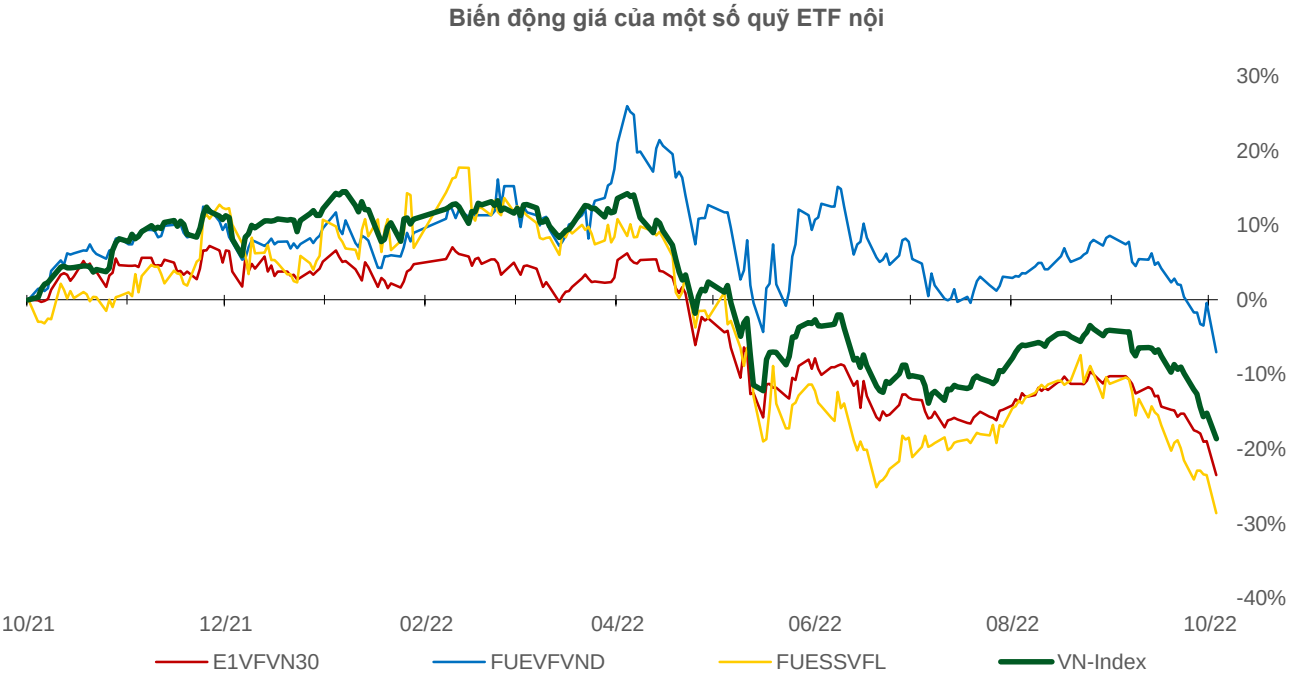

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Thống kê giao dịch chứng quyền có bảo đảm

Mã chứng quyền (*)	Giá đóng cửa (VND)	Thay đổi (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**)	Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND)	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CACB2203	20	-50.0%	1,110	16	21,600	0	(20)	26,420	2.4	19/10/2022
CACB2204	1,070	365.2%	36,440	35	21,600	8	(1,062)	26,020	1.6	07/11/2022
CACB2205	760	-19.2%	11,090	70	21,600	162	(598)	24,000	2.0	12/12/2022
CACB2206	660	-4.4%	1,220	92	21,600	105	(555)	25,500	2.0	03/01/2023
CACB2207	600	-6.3%	70	179	21,600	144	(456)	25,500	4.0	31/03/2023
CFPT2204	400	-20.0%	9,300	65	77,000	135	(265)	86,490	8.2	07/12/2022
CFPT2205	350	-32.7%	3,760	102	77,000	171	(179)	91,930	5.9	13/01/2023
CFPT2206	790	-20.2%	6,780	70	77,000	124	(666)	90,940	4.9	12/12/2022
CFPT2207	2,130	-16.1%	33,520	70	77,000	995	(1,135)	74,140	5.9	12/12/2022
CFPT2208	1,460	-24.0%	420	92	77,000	518	(942)	85,000	4.0	03/01/2023
CFPT2209	960	-2.0%	2,650	179	77,000	314	(646)	88,000	10.0	31/03/2023
CFPT2210	1,350	-11.2%	520	332	77,000	515	(835)	90,000	10.0	31/08/2023
CFPT2211	840	-1.2%	320	150	77,000	338	(502)	85,000	10.0	02/03/2023
CHDB2205	40	-50.0%	3,290	17	18,400	3	(37)	21,680	4.0	20/10/2022
CHDB2206	160	-15.8%	530	92	18,400	21	(139)	23,990	6.4	03/01/2023
CHDB2207	730	-24.7%	730	65	18,400	289	(441)	19,590	2.4	07/12/2022
CHDB2208	1,040	0.0%	0	176	18,400	409	(631)	19,190	4.0	28/03/2023
CHDB2209	390	-18.8%	120	67	18,400	86	(304)	21,480	3.2	09/12/2022
CHDB2210	560	24.4%	10,010	158	18,400	123	(437)	23,100	4.0	10/03/2023
CHPG2201	20	0.0%	163,620	18	19,750	0	(20)	37,570	7.6	21/10/2022
CHPG2208	20	0.0%	41,830	4	19,750	0	(20)	30,260	3.8	07/10/2022
CHPG2210	10	0.0%	87,330	17	19,750	0	(10)	36,140	6.1	20/10/2022
CHPG2211	20	-33.3%	7,830	16	19,750	0	(20)	33,660	3.0	19/10/2022
CHPG2212	70	-41.7%	137,250	85	19,750	5	(65)	27,830	7.6	27/12/2022
CHPG2213	60	-62.5%	9,580	28	19,750	0	(60)	26,480	2.3	31/10/2022
CHPG2214	130	0.0%	44,500	92	19,750	4	(126)	28,740	7.6	03/01/2023
CHPG2215	320	-25.6%	84,280	176	19,750	93	(227)	23,000	10.0	28/03/2023
CHPG2216	1,310	-22.5%	177,550	84	19,750	600	(710)	19,000	3.0	26/12/2022
CHPG2217	730	-26.3%	3,130	84	19,750	76	(654)	25,000	2.0	26/12/2022
CHPG2218	210	-22.2%	20,320	67	19,750	25	(185)	24,890	4.0	09/12/2022
CHPG2219	580	0.0%	0	158	19,750	51	(529)	26,890	5.0	10/03/2023
CHPG2220	480	-32.4%	580	92	19,750	144	(336)	24,000	2.0	03/01/2023
CHPG2221	400	-32.2%	7,360	179	19,750	139	(261)	25,000	4.0	31/03/2023
CHPG2223	1,170	-24.0%	1,850	150	19,750	455	(715)	22,500	2.0	02/03/2023
CKDH2201	10	0.0%	10,020	2	26,100	0	(10)	55,990	7.3	05/10/2022
CKDH2207	10	-50.0%	177,840	35	26,100	0	(10)	45,430	3.6	07/11/2022
CKDH2208	170	-32.0%	8,220	65	26,100	6	(164)	35,890	4.5	07/12/2022
CKDH2209	330	-28.3%	970	176	26,100	46	(284)	36,340	7.3	28/03/2023
CKDH2210	160	-44.8%	36,820	84	26,100	4	(156)	39,000	4.0	26/12/2022
CKDH2211	190	0.0%	0	67	26,100	1	(189)	40,890	2.0	09/12/2022
CKDH2212	120	-40.0%	31,690	158	26,100	8	(112)	42,000	8.0	10/03/2023
CKDH2213	130	-53.6%	201,680	92	26,100	8	(122)	40,000	2.0	03/01/2023
CMBB2204	30	-50.0%	7,900	35	18,700	0	(30)	25,830	1.7	07/11/2022
CMBB2205	50	-54.6%	4,270	28	18,700	0	(50)	26,670	1.7	31/10/2022
CMBB2207	570	26.7%	830	92	18,700	116	(454)	19,550	8.3	03/01/2023
CMBB2208	410	-35.9%	68,780	84	18,700	132	(278)	22,500	1.7	26/12/2022
CMBB2209	270	-32.5%	2,890	92	18,700	46	(224)	24,500	2.0	03/01/2023
CMBB2210	560	-27.3%	500	179	18,700	128	(432)	25,500	2.0	31/03/2023
CMBB2211	510	-12.1%	4,640	332	18,700	132	(378)	27,000	4.0	31/08/2023
CMSN2202	20	0.0%	6,720	4	94,000	0	(20)	126,620	8.3	07/10/2022
CMSN2204	100	-61.5%	86,060	35	94,000	32	(68)	115,650	9.9	07/11/2022
CMSN2205	390	0.0%	0	85	94,000	106	(284)	113,150	19.9	27/12/2022

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMSN2206	110	-50.0%	67,150	92	94,000	27	(83)	132,360	19.9	03/01/2023
CMSN2207	330	-44.1%	3,790	98	94,000	87	(243)	128,060	9.9	09/01/2023
CMSN2208	80	-52.9%	14,960	4	94,000	1	(79)	104,230	14.9	07/10/2022
CMSN2209	480	-29.4%	19,580	176	94,000	274	(206)	111,410	19.9	28/03/2023
CMSN2210	420	-39.1%	8,490	102	94,000	276	(144)	116,000	8.0	13/01/2023
CMSN2211	590	-43.8%	410	67	94,000	197	(393)	110,000	10.0	09/12/2022
CMSN2212	810	0.0%	0	158	94,000	235	(575)	112,230	20.0	10/03/2023
CMSN2213	850	-36.1%	6,390	150	94,000	497	(353)	110,000	10.0	02/03/2023
CMWG2204	20	0.0%	44,620	4	59,600	0	(20)	72,080	5.0	07/10/2022
CMWG2205	90	-43.8%	45,630	35	59,600	3	(87)	77,300	5.0	07/11/2022
CMWG2206	420	-22.2%	470	98	59,600	12	(408)	88,060	5.0	09/01/2023
CMWG2207	170	-50.0%	2,780	35	59,600	7	(163)	74,570	6.0	07/11/2022
CMWG2208	1,010	-22.9%	28,760	84	59,600	328	(682)	63,000	8.0	26/12/2022
CMWG2209	650	14.0%	3,250	70	59,600	254	(396)	57,000	20.0	12/12/2022
CMWG2210	770	0.0%	120	158	59,600	297	(473)	59,000	20.0	10/03/2023
CMWG2211	240	-35.1%	2,510	92	59,600	49	(191)	75,000	10.0	03/01/2023
CMWG2212	490	-27.9%	4,940	179	59,600	153	(337)	75,000	10.0	31/03/2023
CNVL2201	20	0.0%	3,290	2	82,000	0	(20)	93,980	20.0	05/10/2022
CNVL2205	780	-6.0%	50	85	82,000	252	(528)	81,890	16.0	27/12/2022
CNVL2206	660	-12.0%	50	92	82,000	202	(458)	84,000	16.0	03/01/2023
CNVL2207	1,170	0.0%	0	98	82,000	338	(832)	84,000	10.0	09/01/2023
CNVL2208	1,070	-3.6%	300	176	82,000	437	(633)	80,000	16.0	28/03/2023
CNVL2209	970	0.0%	0	67	82,000	161	(809)	86,870	10.0	09/12/2022
CNVL2210	730	52.1%	50	158	82,000	178	(552)	88,890	16.0	10/03/2023
CPDR2201	10	-50.0%	2,650	2	51,000	0	(10)	83,080	3.7	05/10/2022
CPDR2204	220	-8.3%	640	92	51,000	67	(153)	57,980	16.0	03/01/2023
CPDR2205	490	0.0%	0	176	51,000	243	(247)	53,000	16.0	28/03/2023
CPNJ2203	300	-42.3%	6,550	92	99,600	177	(123)	109,430	24.9	03/01/2023
CPNJ2204	420	-28.8%	16,640	98	99,600	41	(379)	142,260	9.9	09/01/2023
CPNJ2205	250	-16.7%	5,880	102	99,600	210	(40)	129,000	6.0	13/01/2023
CPOW2202	50	0.0%	51,340	43	11,500	1	(49)	18,000	5.0	15/11/2022
CPOW2204	410	-10.9%	66,710	176	11,500	168	(242)	13,980	5.0	28/03/2023
CPOW2205	500	-37.5%	21,470	102	11,500	489	(11)	13,900	1.0	13/01/2023
CPOW2206	450	12.5%	10	67	11,500	99	(351)	14,570	2.0	09/12/2022
CPOW2207	210	-19.2%	5,800	70	11,500	69	(141)	14,110	4.0	12/12/2022
CPOW2208	410	-21.2%	670	158	11,500	127	(283)	15,220	4.0	10/03/2023
CPOW2209	350	-23.9%	6,050	189	11,500	116	(234)	16,330	4.0	10/04/2023
CSTB2208	10	0.0%	9,250	17	19,200	0	(10)	30,110	5.0	20/10/2022
CSTB2209	30	50.0%	10	16	19,200	0	(30)	32,000	3.0	19/10/2022
CSTB2210	30	-57.1%	46,180	35	19,200	1	(29)	28,500	2.0	07/11/2022
CSTB2211	190	-24.0%	36,130	85	19,200	57	(133)	23,330	8.0	27/12/2022
CSTB2212	50	-61.5%	27,670	28	19,200	3	(47)	26,000	2.0	31/10/2022
CSTB2213	140	-36.4%	109,500	92	19,200	43	(97)	24,440	8.0	03/01/2023
CSTB2214	900	-7.2%	9,980	98	19,200	304	(596)	23,000	2.0	09/01/2023
CSTB2215	560	-22.2%	26,510	176	19,200	273	(287)	22,220	5.0	28/03/2023
CSTB2216	230	-30.3%	20,800	67	19,200	19	(211)	27,980	2.0	09/12/2022
CSTB2217	240	-42.9%	52,600	92	19,200	100	(140)	26,000	2.0	03/01/2023
CSTB2218	450	-29.7%	17,210	179	19,200	203	(247)	28,000	2.0	31/03/2023
CSTB2220	510	-38.6%	9,800	150	19,200	346	(164)	24,500	2.0	02/03/2023
CTCB2204	30	50.0%	310	4	30,250	0	(30)	45,000	5.0	07/10/2022
CTCB2205	10	0.0%	170	16	30,250	0	(10)	46,500	5.0	19/10/2022
CTCB2206	10	-75.0%	12,200	35	30,250	0	(10)	43,500	4.0	07/11/2022
CTCB2207	220	-18.5%	460	102	30,250	15	(205)	43,000	3.0	13/01/2023
CTCB2208	620	-34.7%	710	84	30,250	38	(582)	40,000	2.0	26/12/2022
CTCB2209	1,310	-22.9%	800	84	30,250	222	(1,088)	34,000	3.0	26/12/2022
CTCB2210	460	-38.7%	360	92	30,250	49	(411)	40,000	2.0	03/01/2023
CTCB2211	500	-19.4%	810	179	30,250	70	(430)	42,000	4.0	31/03/2023
CTCB2212	890	-14.4%	11,500	332	30,250	169	(721)	44,000	4.0	31/08/2023
CTCB2213	630	-10.0%	110	150	30,250	126	(504)	38,000	4.0	02/03/2023
CTPB2203	180	-37.9%	7,960	25	23,850	153	(27)	23,000	10.0	28/10/2022

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CTPB2204	430	-15.7%	25,530	176	23,850	290	(140)	23,890	10.0	28/03/2023
CTPB2205	390	-37.1%	106,990	70	23,850	259	(131)	28,000	2.0	12/12/2022
CTPB2206	610	-24.7%	1,000	92	23,850	365	(245)	28,000	2.0	03/01/2023
CVHM2207	20	0.0%	240	16	50,400	0	(20)	70,930	7.8	19/10/2022
CVHM2208	10	-66.7%	30,120	35	50,400	0	(10)	67,040	7.8	07/11/2022
CVHM2209	60	-14.3%	23,150	85	50,400	1	(59)	69,980	15.5	27/12/2022
CVHM2210	40	-20.0%	40,080	92	50,400	0	(40)	80,000	16.0	03/01/2023
CVHM2211	250	-16.7%	3,320	176	50,400	26	(224)	65,000	16.0	28/03/2023
CVHM2212	570	-18.6%	1,750	70	50,400	6	(564)	65,000	5.0	12/12/2022
CVHM2213	180	-25.0%	57,140	158	50,400	25	(155)	63,980	16.0	10/03/2023
CVHM2214	480	-28.4%	5,070	92	50,400	81	(399)	60,000	4.0	03/01/2023
CVHM2215	650	-14.5%	2,120	179	50,400	168	(482)	60,000	6.0	31/03/2023
CVHM2216	900	-3.2%	240	332	50,400	229	(671)	62,000	8.0	31/08/2023
CVIC2203	20	0.0%	2,930	4	55,500	0	(20)	86,000	10.0	07/10/2022
CVIC2205	10	-50.0%	86,790	17	55,500	0	(10)	86,670	16.0	20/10/2022
CVJC2203	240	-14.3%	75,460	85	110,000	32	(208)	131,130	20.0	27/12/2022
CVJC2204	480	-9.4%	12,180	176	110,000	92	(388)	133,980	20.0	28/03/2023
CVJC2205	400	0.0%	0	67	110,000	28	(372)	130,000	16.0	09/12/2022
CVJC2206	450	-16.7%	1,100	158	110,000	83	(367)	133,000	20.0	10/03/2023
CVNM2204	230	-32.4%	30,640	4	71,000	99	(131)	70,600	9.7	07/10/2022
CVNM2205	140	0.0%	0	17	71,000	6	(134)	77,370	15.5	20/10/2022
CVNM2206	280	-30.0%	200	16	71,000	9	(271)	77,370	8.7	19/10/2022
CVNM2207	950	-9.5%	490	176	71,000	429	(521)	68,670	15.5	28/03/2023
CVNM2208	1,040	0.0%	0	67	71,000	133	(907)	76,000	10.0	09/12/2022
CVNM2209	800	-5.9%	30	158	71,000	171	(629)	76,890	16.0	10/03/2023
CVNM2210	2,060	0.0%	0	150	71,000	805	(1,255)	73,000	5.0	02/03/2023
CVPB2204	310	29.2%	170	43	17,000	6	(304)	20,570	10.7	15/11/2022
CVPB2206	20	-66.7%	186,840	35	17,000	0	(20)	25,310	1.3	07/11/2022
CVPB2207	450	-13.5%	18,830	102	17,000	117	(333)	21,980	1.3	13/01/2023
CVPB2208	910	-19.5%	45,020	70	17,000	246	(664)	18,650	2.0	12/12/2022
CVPB2209	310	-16.2%	4,290	67	17,000	65	(245)	17,900	10.7	09/12/2022
CVPB2210	380	-33.3%	18,290	92	17,000	79	(301)	22,310	1.3	03/01/2023
CVPB2211	760	-25.5%	350	179	17,000	203	(557)	23,310	1.3	31/03/2023
CVPB2212	670	-19.3%	1,220	332	17,000	202	(468)	24,640	2.7	31/08/2023
CVPB2213	1,080	-28.5%	163,770	150	17,000	434	(646)	20,320	1.3	02/03/2023
CVRE2204	10	0.0%	100	4	26,100	0	(10)	33,000	5.0	07/10/2022
CVRE2206	20	0.0%	0	17	26,100	0	(20)	35,560	5.0	20/10/2022
CVRE2207	10	-50.0%	11,410	17	26,100	0	(10)	33,330	8.0	20/10/2022
CVRE2208	250	-30.6%	6,160	35	26,100	30	(220)	32,000	2.0	07/11/2022
CVRE2209	200	-20.0%	2,040	85	26,100	67	(133)	30,890	8.0	27/12/2022
CVRE2210	520	-16.1%	49,860	65	26,100	189	(331)	28,800	4.0	07/12/2022
CVRE2211	490	-17.0%	4,710	176	26,100	229	(261)	28,890	8.0	28/03/2023
CVRE2212	420	-22.2%	5,610	102	26,100	430	10	30,000	2.0	13/01/2023
CVRE2213	650	0.0%	0	158	26,100	183	(467)	32,000	5.0	10/03/2023
CVRE2214	1,110	-22.4%	1,610	92	26,100	504	(606)	29,000	2.0	03/01/2023
CVRE2215	1,610	-9.6%	1,150	179	26,100	765	(845)	30,000	2.0	31/03/2023
CVRE2216	1,190	-7.0%	3,360	332	26,100	584	(606)	31,000	4.0	31/08/2023
CVRE2217	1,800	-16.3%	2,800	150	26,100	1,044	(756)	27,500	2.0	02/03/2023

(*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền

(**) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo	LNST 2022F (tỷ VND)	PE forward	PB forward
GEG	HOSE	16,950	28,900	23/09/2022	420	27.5	2.5
LPB	HOSE	12,050	22,300	16/09/2022	4,286	7.8	1.4
BSR	UPCOM	19,629	29,900	12/09/2022	17,247	10.9	1.7
VCB	HOSE	70,600	126,500	07/09/2022	26,660	17.5	3.6
BID	HOSE	31,550	44,600	07/09/2022	16,077	14.1	2.2
CTG	HOSE	21,600	38,400	07/09/2022	18,850	9.8	1.7
TCB	HOSE	30,250	65,700	07/09/2022	22,735	10.1	2.0
MBB	HOSE	18,700	37,600	07/09/2022	17,241	8.0	1.8
ACB	HOSE	21,600	35,150	07/09/2022	12,604	8.7	1.8
VPB	HOSE	17,000	53,200	07/09/2022	19,558	12.2	2.3
HDB	HOSE	18,400	36,100	07/09/2022	8,189	9.9	1.9
TPB	HOSE	23,850	35,600	07/09/2022	6,194	9.1	1.7
OCB	HOSE	14,350	26,300	07/09/2022	4,431	8.2	1.2
VIB	HOSE	21,150	42,800	07/09/2022	7,918	11.4	2.8
SHB	HOSE	11,900	30,300	07/09/2022	9,583	8.5	1.8
MSB	HOSE	16,000	29,500	31/08/2022	4,321	10.4	1.7
GAS	HOSE	107,000	136,100	24/08/2022	18,193	14.3	4.0
PVT	HOSE	18,250	32,000	25/07/2022	996	10.4	1.5
BVH	HOSE	49,800	82,700	11/07/2022	2,920	22.1	2.6
PVI	HNX	41,000	59,680	11/07/2022	1,031	13.6	1.7
BMI	HOSE	26,050	42,000	11/07/2022	267	14.3	1.5
KBC	HOSE	27,000	55,000	11/07/2022	4,503	13.8	1.7
GVR	HOSE	19,450	32,100	11/07/2022	5,812	27.6	2.3
LHG	HOSE	23,450	88,000	11/07/2022	599	7.3	2.3
POW	HOSE	11,500	15,400	11/07/2022	2,913	14.0	1.0
PPC	HOSE	16,050	21,000	11/07/2022	320	14.5	1.4
NT2	HOSE	26,500	27,500	11/07/2022	692	11.4	1.8
REE	HOSE	73,200	84,700	11/07/2022	2,873	12.4	1.3
GMD	HOSE	47,450	61,600	11/07/2022	819	22.7	2.6
FPT	HOSE	77,000	125,100	11/07/2022	6,053	32.2	6.5
CTR	HOSE	55,800	84,500	11/07/2022	394	24.5	6.2
HPG	HOSE	19,750	45,400	11/07/2022	27,883	10.6	2.4
HSG	HOSE	13,800	23,400	11/07/2022	2,842	4.1	1.1
SMC	HOSE	15,600	25,400	11/07/2022	996	1.6	0.7
NKG	HOSE	17,050	22,500	11/07/2022	1,373	3.6	0.7
BMP	HOSE	55,100	62,500	11/07/2022	422	12.1	2.1
CTD	HOSE	53,700	54,100	11/07/2022	99	6.0	0.4
TNH	HOSE	35,800	50,000	11/07/2022	154	13.5	2.3
TRA	HOSE	96,000	124,200	11/07/2022	296	17.4	3.4
IMP	HOSE	62,000	70,200	11/07/2022	230	20.4	2.4
DHG	HOSE	85,600	118,500	11/07/2022	813	19.1	3.8
STK	HOSE	40,600	76,200	11/07/2022	300	18.0	3.4
TCM	HOSE	42,950	64,400	11/07/2022	264	20.0	3.0
VRE	HOSE	26,100	40,720	11/07/2022	2,604	35.6	2.9
KDH	HOSE	26,100	55,700	11/07/2022	1,363	25.4	3.4
NLG	HOSE	28,200	64,800	11/07/2022	1,386	16.6	2.4
VHM	HOSE	50,400	110,600	11/07/2022	33,671	14.3	3.3
MSN	HOSE	94,000	164,800	11/07/2022	8,969	28.6	5.8
VNM	HOSE	71,000	100,900	11/07/2022	9,703	22.0	5.9
KDC	HOSE	62,300	65,000	11/07/2022	709	24.0	2.8
SAB	HOSE	182,200	169,500	11/07/2022	4,398	26.0	4.7
DBC	HOSE	19,900	29,200	11/07/2022	473	14.2	1.0

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

BAF	HOSE	21,000	41,300	11/07/2022	405	14.6	2.4
MPC	UPCOM	42,269	53,400	11/07/2022	1,225	9.2	1.7
FMC	HOSE	42,800	80,700	11/07/2022	385	13.7	3.3
ANV	HOSE	36,500	50,300	11/07/2022	258	25.8	2.7
VHC	HOSE	79,000	120,600	11/07/2022	1,644	13.5	3.1
MWG	HOSE	59,600	90,800	11/07/2022	6,512	20.4	5.1
PNJ	HOSE	99,600	138,700	11/07/2022	1,736	19.4	4.6
FRT	HOSE	68,200	115,000	11/07/2022	693	19.7	6.0
DGW	HOSE	59,900	82,000	11/07/2022	805	16.7	5.4
PET	HOSE	30,150	45,400	11/07/2022	303	13.9	2.3
PLX	HOSE	32,350	53,900	11/07/2022	3,088	15.6	2.6

Nguồn: PHS * Giá hợp lý chưa điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Phạm Quang Chương, chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%
Giữ = bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10% ~ -10%
Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%
Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết
Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).
Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 5 413 5479 Fax: (84-28) 5 413 5472
Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488
E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng
Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 5 413 5478
Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3
Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 820 8068
Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân
Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 6 250 9999
Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình
Tòa nhà Park Legend
251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. HCM.
Điện thoại: (84-28) 3 813 2401
Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội
Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 3 933 4566
Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng
Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Điện thoại: (84-225) 384 1810
Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1
Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 535 6060
Fax: (84-28) 3 535 2912